

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

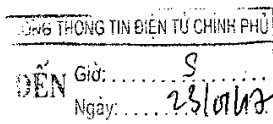
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 94/2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh An Giang**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 01 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Quyết định này áp dụng đối với:

Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động liên quan đến cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng phải trả tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

Các tổ chức, cá nhân cư trú, hộ gia đình, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

Điều 3. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

1. Biểu mức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

Số TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Hộ gia đình: - Thuộc phường, thị trấn - Thuộc xã	đồng/hộ/tháng	20.000 15.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm nhà Văn hóa, Trung tâm Thể dục thể thao, Trung tâm Y tế); Văn phòng các Công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp; các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ, bèo cá	đồng/đơn vị/tháng	100.000
3	Trường học, nhà trẻ trong thời gian thực học (không có căn tin)		
4	Trường học, nhà trẻ trong thời gian thực học (có căn tin)	đồng/m ³ rác	160.000
5	Cửa hàng, nhà hàng, khách sạn, nhà trọ		
6	Nhà máy, bệnh viện, cơ sở y tế, cơ sở sản xuất, chợ, bến tàu, bến xe, khu vui chơi giải trí		
7	Vựa cá, vựa trái cây		
8	Các công trình xây dựng		

2. Riêng trường học, nhà trẻ; trong thời gian nghỉ hè không phải nộp tiền dịch vụ.

3. Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Điều 4. Trách nhiệm của đơn vị được giao thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải

1. Thực hiện thông báo công khai (kể cả niêm yết) về đối tượng thuộc diện phải chi trả tiền dịch vụ, mức giá và các thủ tục thu, nộp tiền dịch vụ theo quy định.

2. Khi thu tiền phải cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp tiền theo quy định và thu đúng theo mức giá đã niêm yết hoặc thông báo.

3. Nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng hợp đồng đã ký kết, cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của sở, ngành liên quan và địa phương

1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Môi trường đô thị An Giang và các cơ quan liên quan xây dựng phương án điều chỉnh mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phù hợp tình hình thực tế, bảo đảm khả năng chi trả hợp lý của người dân và hỗ trợ phát triển cho doanh nghiệp;

Việc điều chỉnh mức giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 177/2013/NĐ - CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình kết quả thực hiện.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Hướng dẫn cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc thẩm định và phê duyệt kế hoạch công ích hàng năm trên địa bàn.

4. Trách nhiệm cơ quan thuế:

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong việc sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức thực hiện việc thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo quy định tại Quyết định này trên địa bàn.

b) Xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (bao gồm cả phương thức cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển) từ điểm tập kết về khu xử lý chất thải rắn trong tỉnh.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn quản lý việc nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng và kinh phí vận chuyển rác thải từ điểm tập kết rác thải sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn trong tỉnh.

d) Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thực hiện việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết rác thải theo quy định.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Điều 7. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Môi trường đô thị An Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị AG;
- Báo & Đài PTTH An Giang;
- Cổng thông tin điện tử An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban & trung tâm;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

HỌ CHỮ TỊCH



Lê Văn Nưng